

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỒ SƠ TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

TINH BỘT KHOAI TÂY (POTATO STARCH)

TCCS 32/VDN/2022

CÔNG TY CPHH VEDAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Quốc lộ 51, ấp 1A, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: 0251.3825111 **Fax:** 0251.3825138

Email: d1-hha@vedaninternational.com



BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

SỐ: TCCS 32/VDN/2022

I. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty Cổ phần Hữu hạn Vedan Việt Nam

Địa chỉ: Quốc lộ 51, ấp 1A, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: 0251.3825111

Fax: 0251.3825138

E-mail: dl-hha@vedaninternational.com

Mã số doanh nghiệp: 3600239719

II. THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM

1. Tên sản phẩm: TINH BỘT KHOAI TÂY (POTATO STARCH)

2. Thành phần: Tinh bột khoai tây (100%).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 60 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì

a) Quy cách đóng gói (khối lượng tịnh):

25 kg và các quy cách khác theo yêu cầu của khách hàng.

b) Chất liệu bao bì: Sản phẩm được bao gói trong bao giấy hoặc chất liệu bao bì khác theo yêu cầu khách hàng. Bao bì sử dụng phù hợp yêu cầu An toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm

Nhà sản xuất: Südstärke GmbH

Địa chỉ trụ sở chính:

Königslachener Weg 2a, 86529 Schrobenhausen, Germany

Địa chỉ nhà máy sản xuất:

Fabrikstr. 17-21, 93104 Sünching, Germany

Xuất xứ: Đức

III. MẪU NHÃN SẢN PHẨM

Xem mẫu nhãn đính kèm.

IV. YÊU CẦU VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM

Công ty Cổ phần Hữu hạn Vedan Việt Nam kinh doanh sản phẩm “Tinh bột khoai tây (Potato Starch)” đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

0023
NG TY
PHÂN
HẠN
HOÀN
TÀN
NH - T

- Quyết định 46/2007/QĐ-BYT Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm (Mục 6.5.1).
- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm (Mục 2.15, 3.16).
- Thông tư 50/2016/TT-BYT Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Đồng Nai, ngày 26 tháng 12 năm 2022

TỔNG GIÁM ĐỐC



NI CHIH HAO



NHÃN PHỤ SẢN PHẨM
TINH BỘT KHOAI TÂY
(POTATO STARCH)

TINH BỘT KHOAI TÂY
(POTATO STARCH)

Khối lượng tịnh: 25 kg

Thành phần: Tinh bột khoai tây (100%).

Hướng dẫn sử dụng: Sử dụng làm nguyên liệu, cho ngành công nghiệp chế biến thực phẩm.

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản trong bao bì kín, nơi khô ráo, tránh bảo quản ở những nơi có mùi mạnh.

Thông tin cảnh báo: Không để gần các chất dễ cháy, nổ, hóa chất độc hại.

Ngày sản xuất: Xem "Manufacturing Date" trên bao bì.

Hạn sử dụng: Xem "Expiry Date" trên bao bì.

Nhà sản xuất: Südstärke GmbH

Địa chỉ trụ sở chính: Königslachener Weg 2a, 86529 Schrobenhausen, Germany

Địa chỉ nhà máy sản xuất: Fabrikstr. 17-21, 93104 Sünching, Germany

Xuất xứ: Đức

Thương nhân nhập khẩu, phân phối và chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa:

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Quốc lộ 51, ấp 1A, xã Phước Thái, huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Điện thoại: 0251.3825111/ **Fax:** 0251.3825138

TCCS 32/VDN/2022





Report N°: 0000058136

Page N° 1/4

Ho Chi Minh City, Date: November 25, 2022

Ho Chi Minh City; Ngày: 25/11/2022

ANALYSIS REPORT

BÁO CÁO PHÂN TÍCH

JOB NO.: FDL22-18805

Đơn hàng: FDL22-18805

CLIENT'S NAME : VEDAN (VIETNAM) ENTERPRISE CORP., LTD
Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM

CLIENT'S ADDRESS : NATIONAL ROAD 51, HAMLET 1A, PHUOC THAI VILLAGE, LONG THANH DISTRICT,
DONG NAI PROVINCE, VIETNAM
Địa chỉ : QL51, ẤP 1A, XÃ PHƯỚC THÁI, HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI, VIỆT NAM

The following sample(s) was/were submitted and identified by the client as:

Mẫu thử nghiệm được cung cấp và nhận dạng bởi khách hàng:

Sample description : Powder (approx. 1.4kg) in plastic bag
Mô tả mẫu : Dạng bột (khoảng 1.4kg) chứa trong túi nhựa

Sample ID : FDL22-18805.001
Mã số mẫu :

Client's reference : Tinh bột khoai tây (Potato starch)
Chú thích của khách hàng :

Date sample(s) received : October 12, 2022
Ngày nhận mẫu : 12/10/2022

Testing period : October 12 - October 19, 2022
Thời gian thử nghiệm : 12/10/2022 - 19/11/2022

Test(s) requested : As applicant's requirement
Yêu cầu thử nghiệm : Theo yêu cầu khách hàng

Test result(s) : Please refer to the next page(s)
Kết quả kiểm nghiệm : Vui lòng tham khảo trang sau



SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,
Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,
Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn



Report N°: 0000058136

Page N° 2/4

TEST RESULT(S)
KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Appearance : Dried powder, no mold, no impurities can be seen with the naked eyes, including live insects and dead insects
 Trạng thái : Dạng bột khô, không bị mốc, không có tạp chất nhìn thấy bằng mắt thường, bao gồm cả côn trùng sống và côn trùng chết.
 Colour : White colour
 Màu : Màu trắng
 Odour : Odourless
 Mùi : Không mùi

Analyte Chỉ tiêu phân tích	Method Phương pháp	Result Kết quả	LOD	LOQ	Unit Đơn vị	Note Ghi chú
1. Total Plate Count Tổng vi khuẩn hiếu khí	ISO 4833-1:2013	1.0x10 ^{^1}	--	--	cfu/g	
2. Total Coliforms Coliforms tổng	ISO 4832:2006	<10	--	--	cfu/g	
3. E. coli E. coli	ISO 16649-2:2001	<10	--	--	cfu/g	
4. Bacillus cereus Bacillus cereus	AOAC 980.31	<10	--	--	cfu/g	
5. Staphylococcus aureus Staphylococcus aureus	US FDA BAM chapter 12 (2016)	<10	--	--	cfu/g	
6. Clostridium perfringens Clostridium perfringens	ISO 7937:2004	<10	--	--	cfu/g	
7. Total Yeast and Mold Tổng nấm men và nấm mốc	ISO 21527-2:2008	<10	--	--	cfu/g	
8. Starch Hàm lượng tinh bột	ISO 10520:1997	81.07	0.12	0.4	g/100g	
9. pH value Giá trị pH	AOAC 943.02	7.15	--	--	-	20% solution
10. Moisture (130°C-133°C) Độ ẩm	ISO 1666:1996	18.71	0.06	0.2	g/100g	
11. Viscosity Độ nhớt	ISI 19-6e (1966) ^(*)	1855	--	--	BU	5% solution
12. Absolute whiteness (L*) Độ trắng tuyệt đối	ISO 16624:2020	94.28	--	--	-	

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
 (84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company under its General Conditions of Service accessible at <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdiction issues defined therein.
 Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.*



Report N°: 0000058136

Page N° 3/4

Analyte Chỉ tiêu phân tích	Method Phương pháp	Result Kết quả	LOD	LOQ	Unit Đơn vị	Note Ghi chú
13. Relative whiteness Độ trắng tương đối	ISI 44-1e (1996)	98.07	--	--	%	
14. Lead (Pb) Chì	AOAC 2013.06	Not Detected	--	0.01	mg/kg	
15. Cadmium (Cd) Cadimi	AOAC 2013.06	Not Detected	--	0.01	mg/kg	

Note/Ghi chú:

- The method(s) remarked with an asterisk (*) is (are) not currently within the ISO 17025 accreditation scope and the test(s) remarked with two asterisks (**) was (were) performed by subcontractor(s) that was (were) mentioned in the parentheses after the method respectively.
Phương pháp được đánh dấu một sao () chưa thuộc phạm vi công nhận ISO 17025 và Phép thử đánh dấu hai sao (**) được thực hiện bởi nhà thầu phụ được đề cập tương ứng trong dấu ngoặc đơn ngay sau phương pháp.*
- All methods (e.g.: AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, SGS Laboratory developed method...) not stated with the published year were on the latest version at the time the tests were conducted.
Tất cả các phương pháp (như AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, phương pháp thử nội bộ...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.
- Absolute whiteness is the lightness from sample (the colour metric space CIELAB).
Độ trắng tuyệt đối là độ sáng của mẫu (không gian màu CIELAB).
- Relative whiteness was measured by comparing the light reflected from a sample with the light reflected from magnesium oxide standard.
Độ trắng tương đối được đo bằng cách so sánh ánh sáng phản chiếu từ mẫu với ánh sáng phản chiếu từ chuẩn magie oxit.
- LOD = Limit of Detection. LOD is referred to the estimated Level of Detection at 50% of probability of detection (eLOD50) when applied for the qualitative microbiological analyte, Probability of Detection (POD) when applied for qualitative chemical analyte, or Probability of Identification (POI) when applied for identification analyte. The result of the analyte with the concentration below LOD is reported "Not Detected".
LOD = Giới hạn phát hiện (là mức phát hiện ước lượng mà 50 % các phép thử nghiệm cho kết quả dương tính (eLOD50) khi áp dụng cho chỉ tiêu vi sinh định tính, khả năng phát hiện (POD) khi áp dụng cho chỉ tiêu hóa định tính hoặc khả năng định danh (POI) khi áp dụng cho chỉ tiêu nhận danh. Kết quả chất phân tích nhỏ hơn LOD được báo cáo là "Không phát hiện".
LOQ = Limit of Quantification. When the chemical analyte is detected but the concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as "<LOQ". If the quantifiable result was calculated from sum of individual analytes, it was done from unrounded single values without the ones below LOQ. For microbiological analyte, according to the plate count testing method with initial dilution factor of 10, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <10 cfu/g (for samples without further dilution), <100 cfu/g (for samples with further dilution of 10), <1 cfu/mL (for pipettable samples without dilution), <10 cfu/sample (or <10 cfu/swab for hygiene environment samples that are required to report on whole tested samples), or <10 cfu/area (for hygiene environment samples that are required to report on specific area); according to the membrane filter method without further dilution, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <1 cfu per sample volume tested.
LOQ = Giới hạn định lượng. Khi chất phân tích hóa học được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả sẽ được thể hiện là "<LOQ". Nếu kết quả có thể định lượng được tính từ tổng của từng chỉ tiêu, nó được thực hiện từ các giá trị đơn lẻ chưa được làm tròn và không bao gồm các giá trị nhỏ hơn giới hạn định lượng. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh, theo phương pháp thử nghiệm đổ đĩa với hệ số pha loãng ban đầu là 10, mẫu không phát hiện khuẩn lạc sẽ được trả kết quả <10 cfu/g (đối với mẫu không pha loãng thêm), <100 cfu/g (đối với mẫu pha loãng thêm 10 lần), <1 cfu/mL (đối với mẫu có thể rút được mà không pha loãng), <10 cfu/mẫu (hoặc <10 cfu/swab đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên toàn bộ mẫu được kiểm), hoặc <10 cfu/diện tích (đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên diện tích cụ thể); đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh, theo phương pháp lọc (không pha loãng thêm), mẫu không phát hiện khuẩn lạc sẽ được trả kết quả <1 cfu trên thể tích mẫu được kiểm.
_(a) Refer to LOD/LOQ of the individual analytes that were used to calculate the sum item.
_(a) Tham khảo LOD/LOQ của từng chất riêng lẻ tương ứng được dùng để tính chỉ tiêu tổng.

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot II/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,
 Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,
 Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
 (84-28) 3935 1920 (84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company under its General Conditions of Service accessible at <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdiction issues defined therein.
 Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



Report N°: 0000058136

Page N° 4/4

PHOTO APPENDIX/PHỤ LỤC HÌNH ẢNH



REPORT RESULTS REFER TO SUBMITTED SAMPLE(S) ONLY AND SUCH SAMPLE(S) ARE RETAINED FOR 15 DAYS ONLY IF THERE ARE NO OTHER SPECIFIC STATEMENTS

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận tại phòng thí nghiệm và mẫu được lưu trữ trong vòng 15 ngày nếu không có thông báo đặc biệt khác

*** END OF THE REPORT ***

Signed for and on behalf of
SGS Vietnam LTD
Thay Mặt Công ty SGS Việt Nam
Lâm Văn Xứ



Lâm Văn Xứ
Trưởng Phòng Thử Nghiệm Thực Phẩm

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,
Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,
Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn